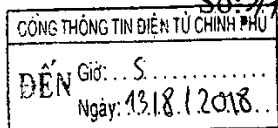


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~47~~ /2018/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 08 tháng 8 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá tối đa dịch vụ sử dụng đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 81/TTr-STC ngày 23/7/2018 về việc Ban hành giá tối đa dịch vụ sử dụng đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này giá tối đa dịch vụ sử dụng đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Thủ trưởng đơn vị cung ứng dịch vụ sử dụng đồ có trách nhiệm:

a) Căn cứ giá tối đa dịch vụ sử dụng đồ ban hành kèm theo Quyết định này, quy định giá cụ thể dịch vụ sử dụng đồ do đơn vị mình cung ứng đảm bảo không cao hơn mức giá tối đa quy định tại Quyết định này.

b) Báo cáo giá cụ thể dịch vụ sử dụng đồ ngang cho Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính trước khi triển khai thực hiện.

c) Báo cáo giá cụ thể dịch vụ sử dụng đồ dọc cho Sở Du lịch, Sở Tài chính trước khi triển khai thực hiện.

d) Tổ chức triển khai thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 3. Giao Cục thuế tỉnh hướng dẫn đơn vị cung ứng dịch vụ sử dụng đồ in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn; kê khai thuế, nộp thuế theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/8/2018.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình; Giám đốc các Sở: Tài chính, Du lịch, Giao thông vận tải, Tư pháp; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Bộ GTVT;
- Bộ VHTT&DL;
- Cục KTVBQPPL -Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy NB;
- TT.HĐND tỉnh NB;
- Đoàn ĐBQH tỉnh NB;
- UBMTTQVN tỉnh NB;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh NB;
- Website Chính phủ; ✓
- Công báo tỉnh NB;
- Lưu VT, VP5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Chung Phụng
Đinh Chung Phụng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐỒ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá tối đa (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
I	Giá dịch vụ sử dụng đồ ngang			
1	Miễn thu đối với trẻ em dưới 06 tuổi.			
2	Cư ly < 100m			
-	Hành khách qua đò	Đồng/lượt	2.000	
-	Hành khách có đem theo xe đạp	Đồng/lượt	3.000	
-	Hành khách có đem theo xe máy	Đồng/lượt	5.000	
-	Hàng hoá mang theo (gồng, gánh, lai, thò)	Đồng/gánh, bao	2.000	
3	Cư ly từ 100m đến 500m			
-	Hành khách qua đò	Đồng/lượt	3.000	
-	Hành khách có đem theo xe đạp	Đồng/lượt	5.000	
-	Hành khách có đem theo xe máy	Đồng/lượt	7.000	
-	Hàng hoá mang theo (gồng, gánh, lai, thò)	Đồng/gánh, bao	3.000	
4	Cư ly > 500m			
-	Hành khách qua đò	Đồng/lượt	5.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá tối đa (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
-	Hành khách có đem theo xe đạp	Đồng/lượt	7.000	
-	Hành khách có đem theo xe máy	Đồng/lượt	10.000	
-	Hàng hoá mang theo (gồng, gánh, lai, thồ)	Đồng/gánh, bao	3.000	
II	Giá dịch vụ sử dụng đồ đạc (gồm cả chiều đi và về)			
1	Tuyến Thạch Bích - Thung Nắng (05 km)	Đồng/chuyến đồ		01 chuyến đồ không chở quá 02 hành khách người nước ngoài hoặc không chở quá 04 hành khách người Việt Nam.
-	Người trên 15 tuổi đến dưới 60 tuổi		100.000	
-	Trẻ em từ đủ 06 đến 15 tuổi, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên)		50.000	
2	Tuyến Hang Chùa - Hang Ghé - Hang Bụt (07km)	Đồng/chuyến đồ		01 chuyến đồ không chở quá 02 hành khách người nước ngoài hoặc không chở quá 04 hành khách người Việt Nam.
-	Người trên 15 tuổi đến dưới 60 tuổi		120.000	
-	Trẻ em từ đủ 06 đến 15 tuổi, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên)		60.000	
3	Tuyến Bến thuyền Hang Bụt - Bến thuyền nhà Lê (02 km)	Đồng/ hành khách /chuyến đồ		Không chở quá 05 hành khách/ chuyến.
-	Người trên 15 tuổi đến dưới 60 tuổi		20.000	
-	Trẻ em từ đủ 06 đến 15 tuổi, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên)		10.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá tối đa (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
4	Tuyến Bến thuyền đến Gối Đại - trung tâm Vườn Chim (04km)	Đồng/hành khách /chuyến đi		Thuyền bé không chở quá 05 hành khách/chuyến. Thuyền to không chở quá 10 hành khách/chuyến.
-	Người trên 15 tuổi đến dưới 60 tuổi		40.000	
-	Trẻ em từ đủ 06 đến 15 tuổi, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên)		20.000	
5	Tuyến Bến thuyền nhà Lê - Hang Bụt - Động Thiên Hà (05 km)	Đồng/hành khách /chuyến đi		Không chở quá 04 hành khách/chuyến.
-	Người trên 15 tuổi đến dưới 60 tuổi		50.000	
-	Trẻ em từ đủ 06 đến 15 tuổi, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên)		25.000	
6	Miễn thu đối với trẻ em dưới 06 tuổi			
7	Trong trường hợp khách du lịch đi với số lượng ít hơn số quy định, đơn vị quản lý bến đò vẫn phải bố trí thuyền để phục vụ khách./.			

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Đinh Chung Phụng